TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2022/DS-PT Ngày: 26 - 01- 2022 V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu**

Các Thẩm phán: **Bà Châu Thị Điệp**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:293/2021/TLPT-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:241/2021/DS-ST ngày 02-11-2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:5048/2021/QĐ-PT ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.
Trụ sở: 198 đường K, Phường T, quận H, Thành phố N.
Địa chỉ chi nhánh: 664 đường S, Phường M, Quận T, Thành phố H.
Ủy quyền ông Võ Đức D, sinh năm 1992; (Có mặt).
(Giấy ủy quyền ngày 11/3/2021).

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1978 - Đại diện (Có mặt).
(Giấy ủy quyền ngày 21/01/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt);

2.2. Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1958 (Có mặt).
Cùng địa chỉ:15/18 (số mới: 53/30) đường B, tổ 31, khu phố 2, phường Đ, Quận B, Thành phố H.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ủy quyền ông Võ Đức D trình bày: Ngày 15/12/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Gọi tắt là Ngân hàng) và bà Vũ Thị T, ông Bùi Xuân L ký hợp đồng vay số:780/HVU.TN20DH, số tiền vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), lãi suất trong hạn:Trong thời gian áp dụng lãi suất cố định là một năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay hiện tại là 7,29%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định sẽ tính lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng cho khách hàng cá nhân cộng 3,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để bù đắp nhà ở và đất ở.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, bà T và ông L thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P (Đất và nhà thuộc sở hữu của bà T và ông L), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số:747/HVU.TN20HĐBĐ ngày 15/12/2020, có Phòng Công chứng Lê Tâm chứng nhận, gồm:Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:03678 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/3/2020.

Ngày 18/12/2020 Ngân hàng và bà T, ông L ký Giấy nhận nợ số tiền vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông L liên tục để nợ quá hạn, không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng, kể từ ngày 25/02/2021, đến ngày 02/11/2021 bà T và ông L còn nợ Ngân hàng:Nợ gốc: 14.949.990.875 đồng, nợ lãi: 1.103.367.632 đồng (gồm lãi trong hạn: 1.095.694.718 đồng + lãi quá hạn: 7.672.914 đồng), tổng cộng: 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng).

Bị đơn bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:241/2021/DS-ST ngày 02-11-2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L có trách nhiệm trả một lần cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ là 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn năm trăm không bảy đồng) {trong đó tiền gốc là 14.949.990.875 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 02/11/2021 bao gồm tiền lãi

trong hạn là 1.095.694.718 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm mười tám đồng), tiền lãi quá hạn là 7.672.914 đồng (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười bốn đồng).

Ngay sau khi bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L thanh toán xong số tiền còn phải thi hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có trách nhiệm thanh lý, giải chấp các hợp đồng liên quan đến số tiền nợ và hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp (nếu không còn thế chấp cho khoản vay nào khác) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 747/HVU.TN20HĐBĐ ngày 15/12/2020 và đính kèm các điều khoản chung giữa bên thế chấp là bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cho bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 747/HVU.TN20HĐBĐ ngày 15/12/2020 và Đính kèm các điều khoản chung giữa bên thế chấp là bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V) để thu hồi nợ.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 03/11/2021 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 23/11/2021 Bị đơn - bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp vụ án.

Bị đơn bà Vũ Thị T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 02/11/2021 vắng mặt của bà và ông L là không đúng, vì thời gian này bà và ông L có tiếp xúc với bệnh nhân nhiễm Covid 19 nên bà và ông L đang cách ly tại nhà.

Về nội dung:Ngày 15/12/2020 bà Vũ Thị T, ông Bùi Xuân L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ký hợp đồng vay, số tiền vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), lãi suất trong hạn hiện tại là 7,29%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để bù đắp nhà ở và đất ở. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, bà T và ông L thế chấp Quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ:179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số:747/HVU.TN20HĐBĐ ngày 15/12/2020, có Phòng Công chứng Lê Tâm chứng nhận, gồm: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:03678 ngày 30/3/2020 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/3/2020.

Ngày 18/12/2020 bà T và ông L ký Giấy nhận nợ số tiền vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông L đã trả cho Ngân hàng 163.897.811 đồng (gồn nợ gốc: 50.000.000 đồng và lãi là 113.888.686 đồng), tính đến ngày 02/11/2021 bà T và ông L còn nợ Ngân hàng:Nợ gốc: 14.949.990.875 đồng, nợ lãi: 1.103.367.632 đồng (gồm lãi trong hạn: 1.095.694.718 đồng + lãi quá hạn: 7.672.914 đồng); Tổng cộng: 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng).

Hiện tài sản thế chấp trên do bà T và ông L quản lý, sử dụng.

Ngày 02/11/2021, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng buộc bà và ông L phải trả số tiền vốn và lãi là 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng) là không đúng, gây thiệt hại cho bà và ông L.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, vì bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn xin miễn giảm án phí.

Bị đơn ông Bùi Xuân L thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà T là đúng và có cùng yêu cầu kháng cáo như bà T.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ủy quyền ông Võ Đức D và bà Vũ Thị H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà T và ông L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của phát luật.

Về nội dung:Tại phiên tòa, bị đơn không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo phần này của bị đơn. Tuy nhiên, do bà T và ông L là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T và ông L được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 11/3/2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ủy quyền ông Võ Đức D và ngày 21/01/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ủy quyền bà Vũ Thị H phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 02/11/2021 vắng mặt của bị đơn là không đúng.

[2.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 08/10/2021 Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:134.1/2021/QĐXXST-DS, với nội dung: "…Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử vào lúc 8 giờ 00 ngày 20/10/2021…". Ngày 20/10/2021 do bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L là bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, với lý do gần đây bị đơn có tiếp xúc với người nhiễm Covid 19 đang cách ly tại nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa và ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số:134/2021/QĐST-DS ngày 20/10/2021, với nội dung:"…Phiên tòa dân sự sẽ được mở lại vào hồi 8 giờ 00 ngày 02/11/2021…". Tại Biên bản tống đạt ngày 27/10/2021 thể hiện Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa nêu trên cho bị đơn. Ngày 31/10/2021 bị đơn lại tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do gần đây bị đơn có tiếp xúc với người nhiễm Covid 19 đang cách ly tại nhà.

[2.2] Tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.".

[2.3] Căn cứ vào điều luật nêu trên, xét thấy, ngoài đơn xin hoãn phiên tòa bà T và ông L không có chứng cứ chứng minh bị đơn đang cách ly tại nhà do tiếp xúc với người nhiễm Covid 19; Mặt khác, ngày 18/10/2021 bị đơn cho rằng trước đó có tiếp xúc với người nhiễm Covid 19 đang cách ly tại nhà tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/11/2021) đã quá 14 (Mười bốn ngày) . Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm ngày 02/11/2021 là đúng theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông L.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là không đúng.

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông L thừa nhận có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), cũng như căn cứ hợp đồng cho vay số: 780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020 và Đính kèm các điều khoản chung giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà T, ông L, vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), lãi suất trong hạn:Trong thời gian áp dụng lãi suất cố định là một năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay hiện tại là 7,29%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định sẽ tính lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng cho khách hàng cá nhân cộng 3,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 192 tháng, kể từ ngày bên nhận vay tiền, mục đích vay để bù đắp nhà ở và đất ở. Ngày 18/12/2020 ông L, bà T ký Giấy nhận nợ số tiền vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) thì có đủ cơ sở xác định bà T và ông L đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông L đã trả số tiền vốn gốc 50.009.125 đồng (Năm mươi triệu không trăm lẻ chín ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) và trả lãi đến ngày 25/02/2021 là 113.888.686 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng), như vậy cho đến ngày 02/11/2021 bà T và ông L còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn gốc là 14.949.875.000 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chưa trả .

[4] Về tiền lãi:Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày cũng như căn cứ vào Bảng chiết tính lãi vay của bà T và ông L, đối với số tiền vốn vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), yêu cầu bà T và ông L trả số tiền lãi cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 02/11/2021 là 1.103.367.632 đồng (gồm lãi trong hạn: 1.095.694.718 đồng; lãi quá hạn: 7.672.914 đồng); Căn cứ Điều 6 của hợp đồng cho vay số:780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020, bà T và ông L phải có nghĩa vụ thanh toán lãi trong hạn và trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền lãi trên cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng bà T và ông L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2021 là 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng), gồm nợ gốc 14.949.990.875 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi 1.103.367.632 đồng (Một tỷ một trăm lẻ ba triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

[5] Về thời hạn trả nợ:Căn cứ Hợp đồng cho vay số:780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020, mặc dù thời hạn vay là 192 tháng, tuy nhiên do bà T và ông L không thực hiện đúng hợp đồng vay như hai bên đã ký nên với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ trước thời hạn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Sau khi bà T và ông L trả hết nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả lại cho bà T và ông L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:CS 03678 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/3/2020 cho bà Vũ Thị T.

[7] Theo hợp đồng thế chấp số:747/HVU.TN 20HĐBĐ ngày 15/12/2020 và Điều khoản chung giữa Bên thế chấp (bên A) là bà T, ông L và Bên nhận thế chấp (bên B) là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, có nội dung: "…Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ mà bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L phải trả cho Ngân hàng bao gồm gốc, nợ lãi…đối với hợp đồng cho vay số:780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P…". Hợp đồng thế chấp có Phòng công chứng Lê Tâm chứng nhận. Ngày 15/12/2020 bà T và ông L đăng ký giao dịch bảo đảm Quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất nêu trên tại Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp và phần chứng nhận của Cơ quan đăng ký yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm nêu trên có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa ngày 16/12/2020 thì có đủ cơ sở để xác định ngày 15/12/2020 bà T và ông L có thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P để đảm bảo khoản nợ 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) theo hợp đồng vay nêu trên. Vì vậy, nếu đến hạn trả nợ mà bà T và ông L không trả số tiền nói trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành dân sự có thẩm quyền phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Bà T và ông L phải giao đất và nhà thế chấp trên cho Chi cục Thi hành án dân sự khi xử lý tài sản thế chấp.

[8] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P. Nguyên đơn có tự nguyện tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Phiếu thu số:09 ngày 27/4/2021. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên bị đơn phải có trách nhiệm trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên cho nguyên đơn.

[9] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không đúng là không có căn cứ như đã nhận định trên nên không chấp nhận kháng cáo phần này của bà T và ông L.

[10] Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

[10.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, vì bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn xin miễn giảm án phí.

[10.2] Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm số:241/2021/DS-ST ngày 02-11-2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên: "…Về án phí: Bà T và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 124.053.359 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn ba trăm năm mươi chín đồng)…".

[10.3] Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án quy định:"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận"; Tại Điều 12 quy định "… người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí…" và tại Điều 14 quy định hồ sơ đề nghị miễn án phí: " Người đề nghị được miễn án phí phải có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án có thẩm quyền …".

Tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 quy định:" Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên.".

[10.4] Căn cứ vào Nghị quyết nêu trên, Hội đồng xét xử, xét thấy, do bà T và ông L có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và do ông L và bà T không có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn xin miễm giảm án phí là không đúng, bởi vì, bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt các văn bản tham gia tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không đến Tòa nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể hướng dẫn bị đơn làm đơn xin miễm giảm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật được.

[10.5] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 02/11/2021 thì ngày 23/11/2021 bà T và ông L nộp đơn kháng cáo và đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy, do bà T và ông L là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễm giảm án phí đề ngày 23/11/2021 nên căn cứ vào điều luật nêu trên, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm bà T và ông L được miễn nên chấp nhận kháng cáo phần này của bị đơn.

[11] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông L và bà T yêu cầu sửa phần án phí dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình các chứng cứ nên việc sửa án không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm:Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T và ông L nên bà T và ông L không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn - bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L.

2.Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 16.053.358.507 đồng (Mười sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng). Trong đó vốn gốc là 14.949.990.875 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) và lãi 1.103.367.632 đồng (Một tỷ một trăm lẻ ba triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng) .

2.2. Sau khi nhận đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam phải trả lại cho bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L bản chính hồ sơ chủ quyền nhà và đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P, gồm:Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 03678 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/3/2020.

2.3.Nếu đến hạn trả nợ mà bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L không trả số tiền nói trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: 179A đường H, khu phố 2, phường D, Thành phố B, tỉnh P để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L phải giao đất và nhà thế chấp trên cho Chi cục Thi hành án dân sự khi xử lý tài sản thế chấp.

2.4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được tiếp tục tính lãi quá hạn trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số:780/HVU.TN20DH ngày 15/12/2020, tính từ ngày 03/11/2021 cho đến khi bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L trả hết số nợ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Chi phí thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã tạm nộp. Bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm:Bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L được miễn.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 61.531.952 đồng (Sáu mươi mốt triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0050049 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.Án phí phúc thẩm dân sự:Bà Vũ Thị T và ông Bùi Xuân L không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu